

**BÁO CÁO**

**Công khai tình hình thực hiện dự toán  
ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2018**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông thực hiện công khai số liệu (*chi tiết tại các biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN, 61/CK-NSNN đính kèm*) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018, cụ thể như sau:

**I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn**

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 9 tháng đầu năm 2018 là 1.796.133 triệu đồng, đạt 98% dự toán Trung ương, 90% dự toán địa phương và tăng 27% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa là 1.662.654 triệu đồng, đạt 97% dự toán Trung ương, 89% dự toán địa phương, tăng 25% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số khoản thu tăng cao so với cùng kỳ năm trước, vượt tiến độ thực hiện so với dự toán giao đầu năm, cụ thể như: Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý 397.247 triệu đồng, đạt 95% dự toán Trung ương, 74% dự toán địa phương, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước; Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 67.111 triệu đồng, đạt 959% dự toán Trung ương, 706% dự toán địa phương, tăng 826% so với cùng kỳ năm trước; Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 377.056 triệu đồng, đạt 79% dự toán Trung ương, 84% dự toán địa phương, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước; Thu phí, lệ phí 111.310 triệu đồng, đạt 111% dự toán Trung ương, 109% dự toán địa phương, tăng 27% so với cùng kỳ năm trước; Thu tiền sử dụng đất 249.958 triệu đồng, đạt 167% dự toán Trung ương, 125% dự toán địa phương, tăng 101% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cấp tỉnh thu 61.933 triệu đồng, đạt 84% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 150% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu xuất nhập khẩu 127.257 triệu đồng, đạt 110% so với dự toán giao, tăng 59% so với số thực hiện cùng kỳ năm trước.

3. Thu huy động đóng góp là 6.222 triệu đồng, giảm 48% so với số thực hiện cùng kỳ năm trước.

\* Nhìn chung, tình hình thu NSNN trên địa bàn 9 tháng đầu năm 2018 tương đối khả quan. Ba sắc thuế chính chiếm phần lớn nguồn thu ngân sách của địa phương là thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế tài nguyên đều đạt trên 75% dự toán giao. Riêng thu Xổ số kiến thiết năm 2018 đạt thấp (thu 9 tháng đầu năm đạt 14.708 triệu đồng, tuy có tăng 2% so với dự toán được giao nhưng giảm so với các năm trước) chủ yếu là do vé số của công ty xổ số Đắc Nông đang bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi xổ số Vietlott và vé số truyền thống của một số tỉnh khác, dẫn đến doanh thu sụt giảm.

## II. Chi ngân sách địa phương (NSDP)

Tổng chi NSDP thực hiện 9 tháng đầu năm 2018 là 3.910.197 triệu đồng, đạt 61% dự toán, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 61/CK-NSNN*), Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển 405.020 triệu đồng, đạt 64% dự toán, tăng 28% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

2. Chi thường xuyên 2.679.952 triệu đồng, đạt 69% dự toán giao, tăng 11% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Chi tiết một số lĩnh vực chi cơ bản như sau: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề là 1054.980 triệu đồng; Chi khoa học và công nghệ là 15.859 triệu đồng; Chi bảo vệ môi trường là 24.064 triệu đồng.

3. Chi từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương là 824.226 triệu đồng.

\* Nhìn chung, chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018 được kiểm soát chặt chẽ, triệt để tiết kiệm; phân bổ kịp thời số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho các cơ quan, đơn vị; đáp ứng các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, an sinh xã hội và phát triển kinh tế của địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh đó một số lĩnh vực có tỷ lệ giải ngân còn thấp so với dự toán được giao.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018 của Tỉnh Đắc Nông./.

### Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã;
- Đài Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTKH (TT).

05

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bón

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 531 /BC-UBND ngày 15/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN ĐẦU NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>6.550.628</b>	<b>4.265.611</b>	<b>65</b>	<b>132</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>1.719.974</b>	<b>1.576.304</b>	<b>92</b>	<b>112</b>
1	Thu nội địa	1.719.974	1.576.304	92	119
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				-
4	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>	<b>9.306</b>	<b>6.222</b>	<b>67</b>	<b>62</b>
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>10.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>V</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>4.811.348</b>	<b>2.683.085</b>	<b>56</b>	<b>148</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>6.459.317</b>	<b>3.910.197</b>	<b>61</b>	<b>111</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>4.707.684</b>	<b>3.085.971</b>	<b>66</b>	<b>113</b>
1	Chi đầu tư phát triển	637.377	405.020	64	128
2	Chi thường xuyên	3.888.127	2.679.952	69	111
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	400		-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	100
5	Dự phòng ngân sách	94.776	-	-	
6	Chi tạo nguồn CCTL	86.004		-	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>1.751.633</b>	<b>824.226</b>	<b>47</b>	<b>102</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>	<b>91.312</b>	<b>89.523</b>	<b>98</b>	
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>	<b>91.312</b>	<b>89.523</b>	<b>98</b>	



**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**  
(Kèm theo Báo cáo số 581 /BC-UBND ngày 15 /10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018 TW GIAO	DỰ TOÁN NĂM 2018 ĐP GIAO	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)		
					DỰ TOÁN TW	DỰ TOÁN ĐP	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>1.835.000</b>	<b>2.000.000</b>	<b>1.796.133</b>	<b>98</b>	<b>90</b>	<b>127</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>1.719.000</b>	<b>1.874.694</b>	<b>1.662.654</b>	<b>97</b>	<b>89</b>	<b>125</b>
1	Thu từ khu vực DNNN TW quản lý	420.000	535.000	397.247	95	74	103
2	Thu từ khu vực DNNN ĐP quản lý	35.000	35.000	31.511	90	90	
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	7.000	9.500	67.111	959	706	926
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	476.000	448.300	377.056	79	84	118
5	Thuế thu nhập cá nhân	135.000	128.000	100.867	75	79	112
6	Thuế bảo vệ môi trường	105.000	112.000	72.769	69	65	90
7	Lệ phí trước bạ	130.000	110.900	82.001	63	74	125
8	Các loại phí, lệ phí	100.000	102.500	111.310	111	109	127
9	Các khoản thu về nhà, đất	168.000	218.000	261.866	156	120	186
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			44			25
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			182			161
-	Thu tiền sử dụng đất	150.000	200.000	249.958	167	125	201
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	18.000	18.000	11.191	62	62	68
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN			491			
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	32.000	70.300	70.687	221	101	134
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	-	-	5.817			
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	19.000	19.000	14.708	77	77	118
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	2.000	2.000	-	-	-	
14	Thu khác ngân sách	90.000	84.194	69.704	77	83	87
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>			-			
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>116.000</b>	<b>116.000</b>	<b>127.257</b>	<b>110</b>	<b>110</b>	<b>159</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	50.000	50.000	35.346	71	71	108
2	Thuế xuất khẩu	65.000	65.000	91.560	141	141	195
3	Thuế nhập khẩu	1.000	1.000	310	31	31	369
4	Thuế tiêu tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác			41			2.050
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>			-			
<b>V</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>		<b>9.306</b>	<b>6.222</b>		<b>67</b>	<b>62</b>
<b>B</b>	<b>THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>1.515.500</b>	<b>1.719.974</b>	<b>1.576.304</b>	<b>104</b>	<b>92</b>	<b>130</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	791.300	775.830	712.762	90	92	115
2	Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	724.200	944.144	863.542	119	91	146

## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 592 /BC-UBND ngày 15/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>6.459.317</b>	<b>3.910.197</b>	<b>61</b>	<b>111</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>4.707.684</b>	<b>3.085.971</b>	<b>66</b>	<b>113</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>637.377</b>	<b>405.020</b>	<b>64</b>	<b>128</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án		405.020		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác		-		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>3.888.127</b>	<b>2.679.952</b>	<b>69</b>	<b>111</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.696.150	1.054.980	62	104
2	Chi khoa học và công nghệ	12.710	15.859	125	100
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		331.548		167
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		42.146		131
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		23.613		131
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		7.387		99
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	37.775	24.064	64	103
8	Chi sự nghiệp kinh tế		201.206		109
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		602.321		103
10	Chi bảo đảm xã hội		81.858		44
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>400</b>		-	
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn thực hiện CCTL</b>	<b>86.004</b>		-	
<b>V</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>VI</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>94.776</b>		-	
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	<b>1.751.633</b>	<b>824.226</b>	<b>47</b>	<b>102</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	117.548	35.588	30	124
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.411.136	658.305	47	99
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	222.949	130.332	58	109